

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG KHÊ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05/7/2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Minh và Ông Trần Đình Thân

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh xét xử công khai vụ án thụ lý số 47/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/6/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị S, sinh năm 1971; Địa chỉ: xóm 1, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt;

- Bị đơn: Anh Trần Đình L, sinh năm 1964; Địa chỉ cư trú cuối cùng trước khi mất tích: Tổ dân phố 3, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 5 năm 2018 và quá trình tố tụng tại Tòa, chị Phạm Thị S trình bày:

Chị và anh Trần Đình L tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, ngày 03/6/1989. Sau khi kết hôn chị S và anh L chung sống hạnh phúc được khoảng 19 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do anh L không quan tâm đến gia đình, hay uống rượu, đánh bạc, đánh đập. Sau khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thì đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn hòa hợp được. Đến năm 2008 thì anh L bỏ nhà ra đi, từ đó đến nay

chị S đã tìm kiếm nhiều nơi, đăng tin tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có tin tức gì của anh L.

Ngày 04/12/2017 chị S có Đơn yêu cầu tuyên bố một người là mất tích đối với anh Trần Đình L. Ngày 02/5/2018 Tòa án nhân dân huyện H đã chấp nhận yêu cầu của chị S và ban hành Quyết định số 01/2018/QĐDS-ST ngày 02/5/2018 về việc Tuyên bố một người là mất tích.

Do xét thấy hôn nhân của mình và anh L không có hạnh phúc, từ năm 2008 đến nay chị S không biết anh L ở đâu nên việc duy trì hôn nhân là không thể, nên chị S yêu cầu Tòa giải quyết:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Đình L.

Về con chung: chị S và anh L có 03 con chung là: Trần Thị Kiều L, sinh ngày 02/12/1990; Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 03/02/1993; Trần Tùng A, sinh ngày 03/01/1995. Hiện nay cả 03 con đều đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền nuôi con;

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị S yêu cầu ly hôn anh Trần Đình L có địa chỉ cư trú cuối cùng thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng của đương sự: Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Trần Đình L vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối anh L. Trong vụ án này, Tòa án không tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp không thuộc quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[2]. *Về nội dung*:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị S và anh Trần Đình L chung sống có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống do vợ chồng có mâu thuẫn nên anh L đã bỏ nhà đi không sống cùng chị S năm 2008 đến nay đã vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về việc “vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”, việc anh L không chung sống cùng chị S đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 68 BLDS; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S đối với anh L.

[2.2]. *Về con chung*: Chị S và anh L có 03 con chung, nhưng hiện nay các con đều đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị Phạm Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 68 BLDS; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị S:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị S được ly hôn với anh Trần Đình L.

2. Về con chung: Các con đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc nuôi con.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0004188 ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự huyện H, nay không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trần Đình L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện H;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND thị trấn H;
- Chi cục THADS H;
- Lưu HS, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Phú

